gēng nián qī

更年期

noun · menopause; climacteric

Example Sentences

Tā zuì jìn qíng xù bù hǎo kě néng dào le gēng nián qī
她最近情绪不好，可能到了更年期。

She has been in a bad mood lately; she might be going through menopause.

Gēng nián qī shì měi ge nǚ xìng dōu huì jīng lì de jiē duàn
更年期是每个女性都会经历的阶段。

Menopause is a stage that every woman experiences.

Trace each character, then write the word on your own.